

CHÍNH PHỦ
Số: 175/2004/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH
Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại quy định tại Nghị định này bao gồm:

- Hành vi vi phạm quy định về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh;
- Hành vi vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Hành vi vi phạm quy định về lưu thông, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trên thị trường;
- Hành vi vi phạm quy định về xúc tiến thương mại;
- Hành vi vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá;

g) Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thương mại, dịch vụ khác.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực thương mại không trực tiếp quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại đều bị xử phạt theo quy định của Nghị định này.
2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại trong lãnh thổ Việt Nam bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.
3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại phải được phát hiện kịp thời và bị đình chỉ ngay. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại phải được xử phạt trong thời hạn quy định. Trường hợp để quá thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt, nhưng vẫn phải áp dụng biện pháp khắc phục theo quy định của Nghị định này và tịch thu tang vật vi phạm hành chính thuộc diện cấm lưu hành.
2. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần; một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt. Khi xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó ghi rõ hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm. Nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức tiền phạt chung của quyết định xử phạt.
3. Việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng quy định tại Điều 8 và 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính để quyết định hình thức xử phạt, mức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.
4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại phải xử phạt đúng thẩm quyền. Nếu người có thẩm quyền xử phạt vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho cấp phó của mình thực hiện thẩm quyền xử phạt và người được ủy quyền chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt của mình.
5. Nếu vụ việc vi phạm xét thấy có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Trường hợp đã ra quyết định xử phạt hành chính thì người ra quyết định xử phạt hành chính phải có quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.
6. Trong một vụ việc vi phạm, nếu một trong các hành vi vi phạm có quy định hình thức, mức phạt hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả vượt thẩm quyền của người xử phạt thì phải chuyển toàn bộ vụ việc vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm.
7. Nghiêm cấm giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử phạt hành chính; nghiêm cấm việc chia tách vụ việc vi phạm vượt thẩm quyền để giữ lại xử phạt theo thẩm quyền của cấp mình.
8. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong tình trạng đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.
9. Các trường hợp đã ra quyết định xử phạt không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng bị xử phạt, không đúng hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, không đúng thời hiệu xử phạt và thời hạn xử phạt thì phải hủy bỏ ngay quyết định xử phạt không đúng pháp luật. Người có thẩm quyền có lỗi trong việc ra quyết định xử phạt không đúng pháp luật phải bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Khi xử phạt vi phạm hành chính người có thẩm quyền xử phạt chỉ được áp dụng những hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) đã được quy định đối với hành vi vi phạm.

Mỗi vi phạm hành chính chỉ áp dụng một hình thức xử phạt chính để xử phạt. Ngoài hình thức xử phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm cụ thể còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả. Các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính, không được áp dụng độc lập hình thức xử phạt bổ sung mà không có hình thức xử phạt chính.

2. Phạt cảnh cáo là hình thức xử phạt chính chỉ được áp dụng trong trường hợp vi phạm nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ và hành vi vi phạm có quy định hình thức xử phạt cảnh cáo.

3. Phạt tiền là hình thức xử phạt chính được áp dụng như sau: mức tiền phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với mỗi hành vi vi phạm; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

4. Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề thương mại, dịch vụ là hình thức xử phạt bổ sung, chỉ được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng quy định sử dụng các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề và hành vi vi phạm có quy định hình thức xử phạt này.

5. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng khi hành vi vi phạm hành chính có quy định áp dụng hình thức xử phạt này. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bao gồm vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính. Không tịch thu tang vật, phương tiện bị cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chiếm đoạt, sử dụng trái phép mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, người sử dụng hợp pháp.

6. Các biện pháp khắc phục hậu quả chỉ được áp dụng khi hành vi vi phạm hành chính có quy định áp dụng biện pháp này và áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính, nhằm xử lý triệt để vi phạm, loại trừ nguyên nhân, điều kiện tái phạm, khắc phục mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Đối với vi phạm hành chính trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá hoặc dịch vụ liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; hành vi buôn lậu, vận chuyển hoặc buôn bán hàng nhập lậu; hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, thì thời hiệu xử phạt là hai năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Nếu quá các thời hạn nói trên thì không bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Điều 12 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

3. Cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính. Thời hiệu xử phạt là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

4. Trong thời hạn được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu cá nhân, tổ chức có vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực thương mại mà trước đây đã vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt, thì thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

5. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái

phạm, thì coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

6. Thời hạn, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại được tính theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sau đây gọi tắt là Nghị định 134/2003 của Chính phủ).

Chương II **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH,** **HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT**

Mục I **HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ** **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH** **CỦA DOANH NGHIỆP VÀ HỘ KINH DOANH**

Điều 6. Vi phạm quy định về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - b) Tự viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng ngành nghề, mặt hàng, địa điểm, địa bàn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - b) Tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với các hành vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp kinh doanh những ngành nghề, mặt hàng, dịch vụ thuộc danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.
5. Các quy định tại Điều này cũng được áp dụng để xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố.

Điều 7. Vi phạm quy định về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - b) Tự viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng ngành nghề, mặt hàng, địa điểm, địa bàn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh mà không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - b) Tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này trong trường hợp kinh doanh những ngành nghề, mặt hàng, dịch vụ thuộc danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

Điều 8. Vi phạm quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh và biển hiệu

Việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về thủ tục đăng ký kinh doanh; về trụ sở doanh nghiệp, địa điểm hộ kinh doanh cá thể; về biển hiệu của cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ được áp dụng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đăng ký kinh doanh hoặc trong lĩnh vực văn hoá thông tin.

Mục II

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,

CHI NHÁNH THƯƠNG NHÂN CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 9. Vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Văn phòng đại diện).

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không hoạt động trong thời hạn quy định sau khi được cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;
- b) Không thông báo cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn quy định về địa điểm đặt trụ sở, số người Việt Nam, số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện;
- c) Không thông báo cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn quy định khi chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện;
- d) Không nộp lại giấy phép được cấp cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn quy định khi chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện;
- e) Không thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- g) Không thông báo với cơ quan cấp giấy phép khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong cùng một tỉnh, thành phố hoặc thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện hoặc thuê hơn một địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện hoặc kinh doanh cho thuê lại trụ sở Văn phòng đại diện;
- b) Không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo quy định khi thay đổi các nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện so với giấy phép được cấp;
- c) Không làm thủ tục xin cấp giấy phép mới theo quy định khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố khác;
- d) Tự viết thêm, tẩy xoá, sửa chữa các nội dung trong giấy phép được cấp.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện ghi trong giấy phép;
- b) Ký hợp đồng mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của thương nhân nước ngoài đối với từng hợp đồng theo quy định;